

Số: 712/QĐ-UBND

Phủ Thọ, ngày 03 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của
huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (Lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN H. HẠ HÒA	
Số: ...14.77...	
ĐẾN Ngày: ...6/4...	
Chuyên:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 3458/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của UBND huyện Hạ Hòa (Tờ trình số 439/TTr-UBND ngày 25/3/2020) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 191/TTr-TNMT ngày 31/3/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Hạ Hòa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất

- Diện tích đất nông nghiệp là 27.475,89 ha, giảm so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 2,01 ha. Cụ thể:

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 6.518,96 ha, tăng so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 2,01 ha. Cụ thể:

Các chỉ tiêu diện tích khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Hạ Hòa đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Biểu chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo kế hoạch được duyet (ha)	Diện tích theo điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (ha)	So sánh
	Tổng diện tích đất tự nhiên		34.147,18	34.147,18	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	27.477,90	27.475,89	-2,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.893,72	4.893,32	-0,40
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.560,13	3.559,73	-0,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.271,16	1.270,98	-0,18
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	7.107,93	7.106,02	-1,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.290,69	1.290,69	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	670,00	670,00	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	11.095,49	11.095,49	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.142,12	1.142,12	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,79	6,79	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.516,95	6.518,96	2,01
2.1	Đất quốc phòng	CQP	248,76	248,76	-
2.2	Đất an ninh	CAN	393,18	393,18	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	200,00	200,00	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	142,16	142,76	0,60
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	34,09	35,52	1,43
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	41,29	41,29	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.161,21	2.161,19	-0,02
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	9,57	9,57	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,60	2,60	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	720,19	720,19	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	37,24	37,24	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,07	14,07	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,91	5,91	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,75	14,75	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	96,46	96,46	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	27,95	27,95	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	16,12	16,12	-
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,66	0,66	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,36	7,36	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.533,87	1.533,87	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	809,51	809,51	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	152,33	152,33	-
4	Đất đô thị*	KDT	1.027,64	1.027,64	-

2. Danh mục dự án điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm	Diện tích (ha)	Sử dụng vào các loại đất				Căn cứ thực hiện dự án
				LUC	CLN	HNK	DGT	
A	Công trình dự án bổ sung mới trong KHSDĐ năm 2020							
I	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		1,91		1,43			
1	Nhà máy sản xuất gạch không nung và tái chế phế liệu Duy Hoàng	Xã Y Sơn	0,98		0,98			Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư
2	Cơ sở sản xuất chế biến kinh doanh nông lâm sản và vật liệu chất đốt	Khu 2, xã Âm Hạ	0,45		0,45			Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 28/2/2020 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư
II	Đất thương mại dịch vụ		0,60	0,40		0,18	0,02	
3	Dự án trạm dịch vụ dừng nghỉ 98	Khu 6, xã Vô Tranh	0,60	0,40		0,18	0,02	Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 13/2/2020 của UBND tỉnh v/v chấp thuận chủ trương đầu tư

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Hạ Hòa; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Hạ Hòa có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Hạ Hòa và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh (Ô Tấn);
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KT3_{tb} (H-12b).

[Signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn